

SỬ DỤNG BÀI TẬP CHUYÊN ĐỀ TRONG CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC DỰA VÀO NHIỆM VỤ CHO SINH VIÊN HỆ ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

Th.s Hoàng Xuân Hoa

Khoa NN&VH Anh-Mĩ - ĐHNH - ĐHQG HN

1. Đặt vấn đề

Để đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội ngày nay, bên cạnh việc không ngừng mở rộng và nâng cao chất lượng hệ giáo dục phổ thông, đại trà, việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là hết sức quan trọng và cần thiết. Hệ đào tạo cử nhân ngoại ngữ chất lượng cao của trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học quốc gia đã hoạt động được gần ba năm. Trong thời gian qua, với chính sách hết sức ưu đãi về điều kiện dạy và học của nhà trường và những nỗ lực của giáo viên và sinh viên, các lớp chất lượng cao đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. Tuy vậy, để tiến tới hoàn thiện và phát triển hệ đào tạo này, vẫn còn nhiều vấn đề cần được nghiên cứu và giải quyết trong đó có những vấn đề về chương trình môn học.

Xây dựng chương trình môn học là một trong những vấn đề cốt lõi của chương trình đào tạo. Chương trình môn học quy định nội dung, trình tự nội dung và cả phương pháp thực hiện nội dung đó trong chương trình đào tạo. Nó phản ánh quan niệm về bản chất ngôn ngữ và quan niệm về việc thụ đắc ngôn ngữ. Chương trình môn học phù hợp và khoa học sẽ góp phần quyết định vào thành công của khoa học. Vậy thì chương trình môn học nào sẽ phù hợp và hiệu quả cho hệ đào tạo chất lượng cao? Có những quan niệm cho rằng chương trình môn học cho hệ đào tạo chất lượng cao cũng chính là chương trình chung cho hệ đào tạo đại trà nhưng ở một bậc cao hơn. Chúng tôi cho rằng suy nghĩ này thực sự sai lầm, bởi đặc điểm người học, điều kiện đào tạo cũng như mục tiêu đào tạo của hệ này về cơ bản khác với hệ đại trà. Vì vậy, để phát huy tối đa ưu điểm của người học cũng như điều kiện dạy và học và để có được nguồn nhân lực ngoại ngữ thực sự có chất lượng cao thì chương trình môn học của nó phải có những khác biệt cơ bản về chất.

Chương trình môn học dựa vào nhiệm vụ là loại chương trình có nhiều điểm mạnh nhưng không thể phát huy hết hiệu quả ở hệ đào tạo đại trà được vì nó đòi hỏi những điều kiện nhất định. Tuy nhiên, nó lại tỏ ra có thể phù hợp với hệ đào tạo chất lượng cao vì những đặc điểm và điều kiện của hệ này. Trong chương trình môn học dựa vào nhiệm vụ, bài tập chuyên đề (projects) là loại nhiệm vụ cao nhất. Nó không những có hiệu quả cao trong việc giúp luyện tập và phát triển kỹ năng ngoại

ngữ cho sinh viên mà còn rèn luyện cho họ thói quen độc lập, tự chủ trong học tập và nghiên cứu, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, là những phẩm chất cần thiết của người lao động chất lượng cao sau này. Thêm vào đó, bài tập chuyên đề còn tạo điều kiện cho việc sử dụng thiết bị khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin trong dạy và học.

Với khuôn khổ của bản báo cáo này, chúng tôi không có tham vọng đề xuất xây dựng một chương trình môn học dựa vào nhiệm vụ cho hệ đào tạo ngoại ngữ chất lượng cao mà chỉ bàn về một phần của loại chương trình đó là bài tập chuyên đề (sau đây sẽ được viết tắt là BTCĐ), các đặc điểm, thể loại và phương pháp tiến hành BTCĐ cho hệ đào tạo chất lượng cao (sau đây sẽ được viết tắt là hệ ĐTCLC). Hy vọng rằng việc áp dụng sáng tạo loại hình nhiệm vụ này sẽ giúp hệ ĐTCLC đạt được kết quả cao hơn nữa.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm của hệ ĐTCLC

- Sinh viên: Sinh viên của hệ ĐT này là những sinh viên đã được các giải thưởng trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, tốt nghiệp PTTH đạt loại giỏi, thi tuyển ĐH được điểm cao và được chọn lọc qua các kỳ thi tuyển (thi về trình độ ngoại ngữ và IQ). Vì vậy có thể nói rằng đầu vào của hệ ĐT này đã có chất lượng khá cao. Thêm vào đó, các sinh viên này đều có động cơ và động lực học tập rất cao.

- Giáo viên: Đội ngũ giáo viên dạy hệ ĐT này cũng được chọn lựa và đều có kiến thức, phương pháp cũng như kinh nghiệm giảng dạy tốt. Phần lớn họ có tuổi đời trẻ, nhiệt tình, năng động, và lại có kỹ năng khai thác công nghệ thông tin tốt.

- Điều kiện dạy và học: Các lớp hệ ĐTCLC đều được cung cấp các thiết bị hỗ trợ giảng dạy đầy đủ như máy vi tính, máy cassette, máy chiếu OHP, và một lượng tài liệu học tập rất phong phú. Giờ dạy của giáo viên được tính hệ số, vì vậy số giờ đứng lớp của giáo viên ít. Điều đó có nghĩa là giáo viên nhiều điều kiện và thời gian để hướng dẫn và giúp đỡ sinh viên hơn.

Trong thực tế, loại chương trình môn học dựa vào nhiệm vụ với các BTCĐ đã từng được đem vào thử nghiệm cho sinh viên đại trà các Khoá 29 và 30 ở khoa Anh. Nhưng do trình độ sinh viên không đồng đều, điều kiện học tập của nhiều sinh viên - đặc biệt là sinh viên nội trú- và điều kiện làm việc của giáo viên hết sức hạn chế nên, dù cho kết quả tương đối khả quan, BTCĐ cũng không được sử dụng rộng rãi trong chương trình môn học của hệ đào tạo đại trà. Hy vọng rằng, với những điều kiện thuận lợi của hệ ĐTCLC như nêu ở trên, BTCĐ nói riêng và chương trình môn học dựa vào nhiệm vụ nói chung sẽ có thể áp dụng thành công cho hệ đào tạo này.

2.2. Sử dụng BTCD trong chương trình môn học ngoại ngữ của hệ DTCLC

2.2.1 Đặc điểm của chương trình dựa vào nhiệm vụ (task-based syllabus)

- a) quan tâm chủ yếu của chương trình là việc các chất liệu ngôn ngữ được học như thế nào,
- b) ở một mức độ nhất định có sự đàm phán giữa người dạy và người học,
- c) nội dung chương trình được xác định chủ yếu dựa trên ý nghĩa của môn học đối với người học và dựa trên những niềm hứng thú và kiến thức mà người học mang tới khoá học,
- d) một phần của việc đánh giá dựa trên các tiêu chí của chính người học đối với thành công của khoá học, và
- e) môi trường học tập mang nhiều tính hợp tác hơn môi trường học tập truyền thống, nơi mà thầy giáo luôn đứng đối diện trước cả lớp.

2.2.2. Những đặc điểm cơ bản của BTCD

- BTCD là một loại hình nhiệm vụ có yêu cầu cao và khó hơn trong chương trình môn học dựa vào nhiệm vụ. Nó có những đặc điểm cơ bản sau:
 - Nhấn mạnh vào việc học nội dung chứ không phải là các mục tiêu ngôn ngữ cụ thể. Các kiến thức về thế giới thực và các chủ đề thú vị đối với người học sẽ là trọng tâm của BTCD.
 - BTCD lấy người học làm trung tâm, mặc dù giáo viên vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ và hướng dẫn trong suốt quá trình làm chuyên đề.
 - BTCD mang tính hợp tác hơn là thi đua, cạnh tranh. Sinh viên có thể làm việc độc lập trong các nhóm hoặc cả lớp cùng hoàn thành BT thông qua chia sẻ nguồn tài liệu, ý tưởng và kiến thức trong suốt quá trình làm bài.
 - BTCD dẫn đến việc kết hợp một cách thực chất các kỹ năng và xử lý dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau, phản ánh những nhiệm vụ như trong đời sống thực.
 - BTCD tiến tới một sản phẩm cuối cùng như bài thuyết trình, bảng thông tin, báo cáo, hoặc biểu diễn trên sân khấu, v.v. Các sản phẩm này có thể được chia sẻ với những người khác, khiến cho BTCD có mục đích thực tế. Tuy nhiên giá trị chính của BTCD không phải là sản phẩm cuối cùng đó mà là quá trình làm việc để đi đến sản phẩm cuối cùng. Vì vậy BTCD vừa có định hướng sản phẩm lại vừa có định hướng quá trình, và nó cung cấp cho người học cơ hội để tập trung cả vào độ lưu loát, trôi chảy và độ chính xác khi sử dụng ngôn ngữ ở những giai đoạn khác nhau của BTCD.
 - BTCD có tiềm năng tạo động lực, năng lực và có tính thách thức đối với người học. Nó sẽ giúp xây dựng lòng tự tin, tự tôn và tự chủ cho người học đồng thời phát triển kỹ năng ngôn ngữ, kiến thức nền và khả năng nhận thức cho người học.

2.2.3. Các loại BTCĐ

Có nhiều loại BTCĐ khác nhau. Các BT này khác nhau về phạm vi, độ linh hoạt và đa tác dụng. Dựa vào một số tiêu chí khác nhau mà người ta chia BTCĐ theo các cách khác nhau.

+ Các BTCĐ khác nhau ở mức độ giáo viên và sinh viên quyết định bản chất và trình tự của các hoạt động. Có 3 loại BTCĐ: BTCĐ có cấu trúc định sẵn (*structured project*): BT trong đó chủ đề, tài liệu, phương pháp và việc trình bày đã được giáo viên xác định, quyết định và tổ chức sẵn. BTCĐ không có cấu trúc định sẵn (*unstructured project*): phần lớn các vấn đề nêu trên đều do sinh viên quyết định. Và cuối cùng là bài tập bán định sẵn (*semi-structured project*): một phần do giáo viên và một phần do sinh viên xác định và tổ chức.

+ BTCĐ có thể gắn với những mối quan tâm của thế giới thực (*real world*) nhưng cũng có thể gắn với các vấn đề mô phỏng lại của thế giới thực (*simulated real world*). BTCĐ có thể gắn với mối quan tâm, sở thích (có thể có hoặc không có ý nghĩa với thế giới thực bên ngoài) của sinh viên.

+ BTCĐ có thể khác nhau về cách thức, kỹ thuật thu thập thông tin và nguồn thông tin: BTCĐ nghiên cứu (*research project*) thu thập thông tin thông qua nguồn tài liệu trên thư viện; tương tự như vậy, BTCĐ về các văn bản (*text project*) sẽ chỉ đòi hỏi người học tiếp xúc nhiều với các văn bản (chữ và hình) chứ không phải với con người; BTCĐ thông qua thư tín (*correspondence project*) đòi hỏi giao tiếp với các cá nhân để thu thập thông tin thông qua con đường thư tín; BTCĐ khảo sát (*survey project*) đòi hỏi xây dựng một công cụ khảo sát, sau đó thu thập và phân tích thông tin; BTCĐ gặp mặt trực tiếp (*encounter project*) cần có tiếp xúc mặt đối mặt với các cá nhân ngoài lớp học.

+ BTCĐ cũng có thể khác nhau ở cách thức báo cáo cuối cùng. Có loại BTCĐ cần phải có sản phẩm cuối cùng (*production project*) thí dụ như một bảng tin, cuốn băng video, chương trình radio, các buổi trình bày posters, các bài luận, thư từ, sách hướng dẫn, sách giới thiệu, băng thực đơn tiệc lớn hay kế hoạch hành trình, v.v. Nhưng cũng có loại BTCĐ có kết quả cuối cùng là hoạt động (*performance project*) như một cuộc tranh luận trên diễn đàn, thuyết trình nói, trình diễn trên sân khấu, v.v. Loại BTCĐ mang tính tổ chức (*organisational project*) có thể có kết quả cuối cùng là việc lập kế hoạch và thành lập một câu lạc bộ, một chương trình hội thoại, v.v.

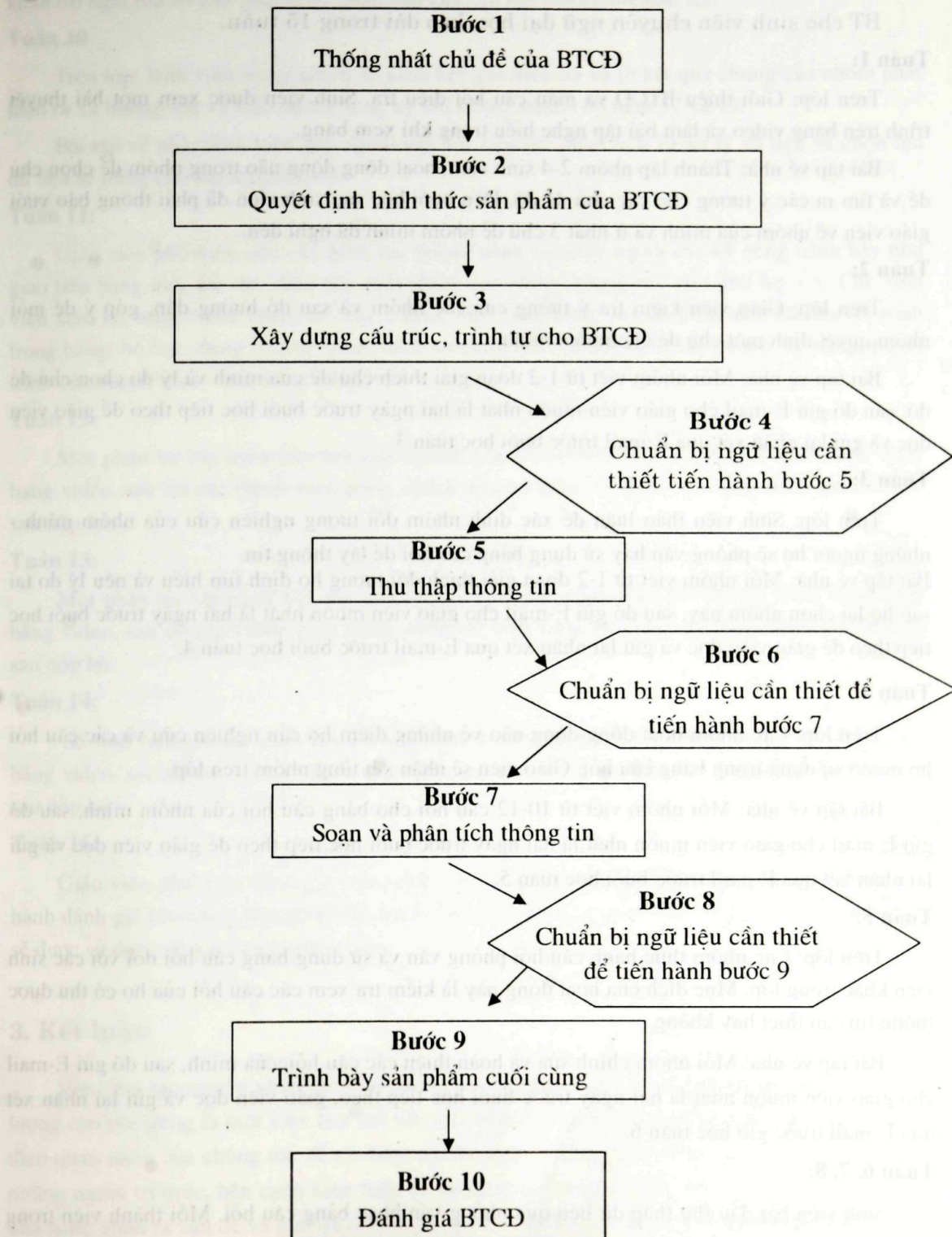
+ Thời gian dành cho các BTCĐ cũng có thể rất khác nhau, phạm vi có thể trong lớp học hoặc vượt ra ngoài lớp, sinh viên có thể thực hiện theo cá nhân, cặp hoặc nhóm, v.v.

Việc lựa chọn loại BTCĐ phụ thuộc vào các yếu tố khác nhau: mục tiêu của khoá học, trình độ và sở thích của sinh viên, điều kiện thời gian và nguồn tài liệu có sẵn.

2.2.4 Chủ đề BTCĐ

Một yếu tố quyết định sự thành công của BTCĐ là sinh viên phải kiểm soát được chủ đề mà họ nghiên cứu, tìm hiểu. Các nghiên cứu đã cho thấy người học học được nhiều từ những ngôn bản xuất phát từ những chủ đề mà bản thân họ hoặc các sinh viên khác đề xuất hơn là những chủ đề do giáo viên hoặc giáo trình quy định. Điều này có tác động tích cực rõ rệt đối với động lực và nhiệt tình thực hiện thành công BT. Thêm vào đó, giáo viên và sinh viên sẽ có cơ hội để cùng thảo luận và đàm phán để giải quyết một vấn đề có thực là xác định chủ đề cho BTCĐ. Nhìn chung, nên khuyến khích sinh viên lựa chọn các chủ đề phù hợp về mặt xã hội.

2.2.5 Các bước thực hiện một BTCĐ



2.2.6 Một thí dụ về BTCD

BT cho sinh viên chuyên ngữ đại học, kéo dài trong 15 tuần.

Tuần 1:

Trên lớp: Giới thiệu BTCD và mẫu câu hỏi điều tra. Sinh viên được xem một bài thuyết trình trên băng video và làm bài tập nghe hiểu trong khi xem băng.

Bài tập về nhà: Thành lập nhóm 2-4 sinh viên, hoạt động động não trong nhóm để chọn chủ đề và tìm ra các ý tưởng cho các chủ đề đó. Đến buổi học sau sinh viên đã phải thông báo với giáo viên về nhóm của mình và ít nhất 3 chủ đề nhóm mình đã nghĩ đến.

Tuần 2:

Trên lớp: Giáo viên kiểm tra ý tưởng của các nhóm và sau đó hướng dẫn, góp ý để mỗi nhóm quyết định một chủ đề cho nhóm mình.

Bài tập về nhà: Mỗi nhóm viết từ 1-2 đoạn giải thích chủ đề của mình và lý do chọn chủ đề đó, sau đó gửi E-mail cho giáo viên muộn nhất là hai ngày trước buổi học tiếp theo để giáo viên đọc và gửi lại nhận xét qua E-mail trước buổi học tuần 3.

Tuần 3:

Trên lớp: Sinh viên thảo luận để xác định nhóm đối tượng nghiên cứu của nhóm mình - những người họ sẽ phỏng vấn hay sử dụng bảng câu hỏi để lấy thông tin.

Bài tập về nhà: Mỗi nhóm viết từ 1-2 đoạn giải thích đối tượng họ định tìm hiểu và nêu lý do tại sao họ lại chọn nhóm này, sau đó gửi E-mail cho giáo viên muộn nhất là hai ngày trước buổi học tiếp theo để giáo viên đọc và gửi lại nhận xét qua E-mail trước buổi học tuần 4.

Tuần 4:

Trên lớp: Các nhóm hoạt động động não về những điểm họ cần nghiên cứu và các câu hỏi họ muốn sử dụng trong bảng câu hỏi. Giáo viên sẽ nhận xét từng nhóm trên lớp.

Bài tập về nhà: Mỗi nhóm viết từ 10-12 câu hỏi cho bảng câu hỏi của nhóm mình, sau đó gửi E-mail cho giáo viên muộn nhất là hai ngày trước buổi học tiếp theo để giáo viên đọc và gửi lại nhận xét qua E-mail trước buổi học tuần 5.

Tuần 5:

Trên lớp: Các nhóm thực hành câu hỏi phỏng vấn và sử dụng bảng câu hỏi đối với các sinh viên khác trong lớp. Mục đích của hoạt động này là kiểm tra xem các câu hỏi của họ có thu được thông tin cần thiết hay không.

Bài tập về nhà: Mỗi nhóm chỉnh sửa và hoàn thiện các câu hỏi của mình, sau đó gửi E-mail cho giáo viên muộn nhất là hai ngày trước buổi học tiếp theo, giáo viên đọc và gửi lại nhận xét qua E-mail trước giờ học tuần 6.

Tuần 6, 7, 8:

Sinh viên bắt đầu thu thập dữ liệu qua phỏng vấn hoặc bảng câu hỏi. Mỗi thành viên trong nhóm phải phỏng vấn ít nhất 10 người. Đến tuần 8 thì tất cả dữ liệu phải được thu thập đầy đủ.

Tuần 9:

Trên lớp: Cho sinh viên báo cáo vấn đề tiến độ và kết quả làm việc của mình, những khó khăn trở ngại mà họ gặp phải hoặc phần nào của câu hỏi cần chỉnh sửa, v.v.

Tuần 10

Trên lớp: Sinh viên trong nhóm so sánh kết quả điều tra và từ kết quả chung của nhóm phát hiện ra xu hướng thú vị. Các nhóm đăng ký bài thuyết trình cho tuần 12 và 13.

Bài tập về nhà: Sinh viên gặp ngoài lớp học tiếp tục phân tích và xử lý số liệu và chọn lựa dữ liệu sẽ dùng cho bài thuyết trình.

Tuần 11:

Giáo viên phổ biến tiêu chí đánh bài thuyết trình và nhấn mạnh các kỹ năng trình bày như giao tiếp bằng mắt, cử chỉ, điệu bộ, điều chỉnh âm lượng, giọng nói cho phù hợp, v.v. Cho sinh viên xem lại băng video chiếu từ tuần 1 hoặc một băng khác sau đó phân tích bài thuyết trình trong băng: bố cục, dụng cụ trực quan, cách sử dụng các chi tiết và thí dụ cụ thể, kỹ năng thuyết trình của thuyết trình viên trong băng, v.v.

Tuần 12:

Một phần ba lớp trình bày kết quả nghiên cứu của mình. Các bài thuyết trình được quay băng video, sau đó các thành viên trong nhóm sẽ xem băng và điền vào bảng đánh giá để tuần sau nộp lại.

Tuần 13:

Một phần ba lớp trình bày kết quả nghiên cứu của mình. Các bài thuyết trình được quay băng video, sau đó các thành viên trong nhóm sẽ xem băng và điền vào bảng đánh giá để tuần sau nộp lại.

Tuần 14:

Số sinh viên còn lại trình bày kết quả nghiên cứu của mình. Các bài thuyết trình được quay băng video, sau đó các thành viên trong nhóm sẽ xem băng và điền vào bảng đánh giá để tuần sau nộp lại.

Tuần 15:

Giáo viên phát bản đánh giá của mình cho từng sinh viên. Đồng thời sinh viên cũng tiến hành đánh giá khóa học bao gồm việc trả lời các câu hỏi liên quan đến BTCĐ. Kết quả đánh giá sẽ được sử dụng để cải tiến lớp học sau.

3. Kết luận

Việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nói chung và nguồn nhân lực ngoại ngữ chất lượng cao nói riêng là một việc làm hết sức cần thiết của giáo dục đại học Việt nam. Tuy nhiên, theo quan niệm của chúng tôi, để có được nguồn nhân lực cao theo đúng nghĩa của từ này tức là những người trí thức, bên cạnh kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp tốt, còn có khả năng sáng tạo, khả năng nhận ra vấn đề và giải quyết tốt vấn đề, v.v. thì hệ đào tạo này cần có một chương trình với nội dung và phương pháp giảng dạy, học tập và kiểm tra đánh giá khác hẳn so với chương

trình của hệ đại trà. Chương trình môn học dựa vào nhiệm vụ với BTCĐ có thể phát huy được hiệu quả tốt cho đào tạo cử nhân ngoại ngữ CLC. Trong bài viết này chúng tôi chỉ đề cập đến một số đặc điểm cơ bản, các thể loại BTCĐ và cách thực hiện chúng cho hệ ĐTCLC. Việc sử dụng BTCĐ không những giúp sinh viên rèn luyện tốt các kỹ năng ngôn ngữ của họ mà còn tạo điều kiện để phát triển các kỹ năng học tập và nghiên cứu độc lập cho sinh viên, giúp họ phát triển khả năng tư duy độc lập, sáng tạo và khả năng tìm hiểu giải quyết vấn đề. Thêm vào đó, qua việc làm BTCĐ sinh viên còn có cơ hội để tự đánh giá và cơ hội sử dụng các phương tiện kỹ thuật cũng như công nghệ thông tin vào các hoạt động học tập. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng BTCĐ tuy có nhiều ưu điểm như đã nói ở trên, nhưng bên cạnh việc cho sinh viên là các BTCĐ cũng cần có các hoạt động luyện tập khác chú trọng đến hình thái ngôn ngữ. Ngoài ra, để đảm bảo hiệu quả của BTCĐ, công tác tổ chức và vai trò giám sát, hỗ trợ của giáo viên trong từng bước nhỏ của quá trình sinh viên làm BTCĐ là hết sức cần thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Beglar, D & Hunt, A. 2002. Implementing Task-Based Language Teaching in Richard, J. C. & Renandya, W. A. (Eds.) *Methodology in Language Teaching* Cambridge University Press.
2. Fried-Booth, D. 1982. Project work with advanced classes. *ELT Journal*, 36(2), 98-103.
3. Fried-Booth, D. 1986. *Project work*. New York: Oxford University Press.
4. Henry, J. 1994. *Teaching through projects*. London: Kogan Page Limited.
5. Stoller, F. L. 2002. Project Work: A Means to Promote Language and Content in Richard, J. C. & Renandya, W. A. (Eds.) *Methodology in Language Teaching* Cambridge University Press.
6. Willis, J. 1996. A flexible framework for task-based learning. In J. Willis & D. Willis (Eds.), *Challenge and Change in Language Teaching*. Oxford: Heinemann.